

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 21/ 2018/HSST

Ngày 30/03/2018

Vụ án: Nguyễn Đình S, Nguyễn

Đình D phạm tội “Mua bán trái
phép hóa đơn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH - BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hòa

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Quế

2. Bà Nguyễn Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên
tòa:***

Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành
mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/HSST
ngày 31/01/2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đình S** - sinh năm 1980

Nơi ĐKKHKT: Số 45A, đường 160, khu phố 3, phường T, quận 9, thành
phố H.

Chỗ ở: Thôn D, xã D, huyện G, thành phố H.

Nghề Nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn Đình V - sinh năm 1954 (đã chết).

Con bà: Phạm Thị Kim C - sinh năm 1957 (đã chết)

Vợ: Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1982, có 01 con - sinh năm 2004

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn
Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Đình D - sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Tổ T, thị trấn T, huyện G, thành phố H

Chỗ ở: phòng 408 - V1, khu đô thị Đ, xã Đ, huyện G, thành phố H

Nghề Nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn M- sinh năm 1960.

Con bà: Giáp Thị L - sinh năm 1962.

Vợ: Trần Thanh P - sinh năm 1987, có 01 con - sinh năm 2012

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn
Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thuế huyện Thuận
Thành tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Công T – Chi cục trưởng Chi cục
Thuế huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình S:

Trong khoảng thời gian đầu năm 2014, S thông qua bạn bè có quen biết
người đàn ông tên Hùng, quê ở Kiến An, thành phố Hải Phòng (không rõ tên
tuổi, địa chỉ cụ thể). S nói chuyện với Hùng về việc kinh doanh của S đang gặp
khó khăn, nên Hùng đã hướng dẫn S thành lập Công ty để mua bán hóa đơn
GTGT khống (không có hàng) và hứa nếu S thành lập Công ty mua bán hóa đơn
GTGT khống thì Hùng sẽ lo toàn bộ hóa đơn GTGT khống làm đầu vào cho S.
Đến tháng 11 năm 2014, thông qua Dương Ngọc Lâm (sinh năm 1980, ở huyện
Gia Lâm, thành phố Hà Nội), S mượn CMND của em họ Lâm là Vũ Văn Bình
(sinh năm 1993, ở xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) và nhờ Bình
thành lập, đứng tên Giám đốc Công ty TNHH SXTM Quốc tế Gia Linh (Công ty
Gia Linh) trụ sở: thôn Thanh Bình, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc
Ninh để mua bán hóa đơn GTGT khống; khi nhờ Lâm và Bình, S không trao đổi
mục đích thành lập Công ty để mua bán hóa đơn mà chỉ nói để kinh doanh hạt
nhựa. Sau khi thành lập Công ty xong, Bình không biết và không liên quan đến
hoạt động của Công ty Gia Linh. S là người điều hành, chỉ đạo và chịu trách
nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty Gia Linh. Ngày 03/06/2015, S
thay đổi đăng ký kinh doanh chính thức đứng tên Giám đốc Công ty Gia Linh.
Trong thời gian Bình đứng tên Giám đốc Công ty Gia Linh (từ tháng 11/2014 đến

đầu tháng 6/2015), mọi chữ ký của Bình vào các giấy tờ như hóa đơn, chứng từ, sổ sách của Công ty Gia Linh là do S ký giả mạo. Thực chất, Công ty Gia Linh không có mua bán hàng hóa thật mà chỉ mua bán hóa đơn GTGT khống, do S thực hiện và chỉ đạo.

Đối với các tài liệu liên quan đến việc mua bán hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh, S khai đã hủy hết nên không có để cung cấp cho Cơ quan An ninh điều tra.

*** *Hành vi bán hóa đơn GTGT khống:***

Từ tháng 11/2014 đến tháng 4/2016, S bán tổng 160 hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh xuất cho các Công ty, cá nhân khác với giá từ 3,7% đến 3,8%. Các hóa đơn GTGT của Công ty Gia Linh xuất cho các Công ty đều là hóa đơn GTGT khống. S bán tổng số 07 hóa đơn, tiền thuế là 220.735.500đ cho công ty Đại Việt thông qua anh Đại- Giám đốc Công ty Đại Việt; bán tổng số 07 hóa đơn, tiền thuế là 323.444.335đ cho công ty HanLim thông qua chị An- kế toán Công ty HanLim; bán tổng số 06 hóa đơn, tiền thuế là 698.560.820đ cho công ty Thuận Đức thông qua anh Hải nhân viên Công ty Thuận Đức; bán tổng số 19 hóa đơn, tiền thuế là 751.780.000đ cho công ty Trang Huy thông qua anh Hùng Giám đốc Công ty Trang Huy; bán tổng số 03 hóa đơn, tiền thuế là 44.902.181đ cho công ty Kamtech thông qua anh Hiếu Giám đốc Công ty Kamtech; bán tổng số 09 hóa đơn, tiền thuế là 133.387.273đ cho công ty Suntex thông qua chị Hiền kế toán Công ty Suntex; bán tổng số 03 hóa đơn của Công ty Yên Phong Vina và 10 hóa đơn của Công ty Quốc tế Yên Phong, với tổng tiền thuế là 188.842.500đ thông qua anh Ngọc Giám đốc Công ty Yên Phong Vina; bán tổng số 06 hóa đơn, tiền thuế là 56.774.300đ cho công ty CLD Việt Nam thông qua anh Nguyễn Khắc Thanh; bán 01 hóa đơn, tiền thuế là 7.200.000đ cho công ty Hà My Vina thông qua Dương Ngọc Lâm; bán tổng số 80 hóa đơn GTGT khống mặt hàng hạt nhựa, bao bì, vỏ bao, dây truyền máy, với tổng tiền thuế là 284.962.445đ cho 25 Công ty, thông qua Nguyễn Đình D; còn lại 09 hóa đơn GTGT của công ty Gia Linh xuất cho các công ty Nguyễn Khánh, công ty Vinacap, công ty Hiệp Trường Phát, công ty Ngọc Ca Thương, nhưng S không nhớ đã bán thông qua ai. Tất cả các số hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh mà S đã xuất bán đều được kê khai báo cáo thuế. Sau khi các cá nhân liên hệ trực tiếp với S để mua hóa đơn GTGT khống và cung cấp thông tin về Công ty nhận hóa đơn, S trực tiếp hoặc chỉ đạo Thẩm Thúy Phương là kế toán và Nguyễn Kim Hương là nhân viên soạn thảo hợp đồng, biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho và viết hóa đơn GTGT. Khi soạn xong S ký trước và chuyển các chứng từ như hợp đồng, biên bản giao nhận kiêm phiếu xuất kho cùng hóa đơn GTGT cho các công ty đầu ra ký hoàn thiện và chuyển trả lại cho công ty Gia Linh. Việc thanh toán tiền hàng qua ngân hàng chỉ là hình thức để hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn GTGT khống. S trực tiếp mang tiền đến gặp Giám đốc hoặc nhân viên của các

Công ty đầu ra nhận hóa đơn mặt hàng hạt nhựa, phế liệu và nhân công để cùng đến ngân hàng chuyển tiền. Giám đốc hoặc nhân viên các Công ty đầu ra này là người nộp tiền và chuyển tiền trả Công ty Gia Linh, số tiền chuyển là tiền của S đưa cho; còn đối với các Công ty đầu ra nhận hóa đơn mặt hàng bao bì, vỏ bao, dây truyền máy thì các Công ty này hoặc Nguyễn Đình D tự chuyển tiền vào tài khoản Công ty Gia Linh, sau đó S rút ra và trả lại cho Nguyễn Đình D vào tài khoản cá nhân của D ở ngân hàng Agribank. Hương và Phương không biết S bán hóa đơn GTGT khống không có hàng.

Đối với việc thanh toán tiền mua bán hóa đơn GTGT khống: sau khi đã thanh toán tiền qua ngân hàng, các Công ty đầu ra trả bằng tiền mặt cho S; Riêng đối với các hóa đơn GTGT khống S bán cho Nguyễn Đình D thì khi S rút tiền từ tài khoản Công ty Gia Linh để trả D, S đã trừ số tiền D mua hóa đơn GTGT khống của S.

Cơ quan điều tra xác định trong tổng số 160 hóa đơn GTGT khống của công ty Gia Linh bán cho 39 công ty với tổng số tiền hàng là 28.842.195.538 đồng, tiền thuế là 2.884.219.554 đồng thì có 138 hóa đơn GTGT với tổng tiền hàng là 28.809.715.038 đồng, tiền thuế là 2.880.971.504 đồng đã được các công ty nhận hóa đơn kê khai báo cáo thuế sử dụng làm đầu vào.

* Hành vi mua hóa đơn GTGT khống: Tổng số 37 hóa đơn GTGT của 07 công ty, với tổng tiền hàng là 27.904.210.000đ, tiền thuế là 2.790.421.000đ.

S khai trên cơ sở hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh đã xuất bán, S liên lạc với Hùng để lấy hóa đơn GTGT khống làm đầu vào. Hùng cung cấp thông tin về các Công ty xuất hóa đơn cho S để S trực tiếp hoặc chỉ đạo Hương soạn thảo hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa kiêm phiếu xuất kho...Sau khi soạn thảo xong, S ký trước và chuyển cho Hùng qua xe khách. Sau đó, Hùng sẽ hoàn thiện phía Công ty xuất hóa đơn và chuyển lại các tài liệu này cùng hóa đơn GTGT khống cho S qua xe khách. S đã mua tổng số 34 hóa đơn GTGT khống, tiền hàng là 27.858.210.000đ, tiền thuế là 2.785.821.000đ của các Công ty Bạch Hổ, Công ty Tân Trung Nguyên, Công ty Dương Gia Thịnh Vượng, Công ty Tâm Vạn Thành, Công ty Hải Hoa, Công ty Thu Hường từ Hùng. Ngoài ra, S còn được Phan Đình Huân chủ DNTN Hợp Nhất xuất cho 03 hóa đơn GTGT khống về vận chuyển, tổng tiền hàng là 46.000.000đ, tiền thuế là 4.600.000đ của DNTN Hợp Nhất nhưng không lấy tiền. Tất cả các hóa đơn GTGT S mua khống để làm đầu vào cho công ty Gia Linh đã được kê khai báo cáo thuế.

Việc thanh toán tiền hàng qua ngân hàng chỉ là hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn GTGT khống. Hùng hoặc người của Hùng mang tiền lên Hà Nội hện S ra ngân hàng để chuyển tiền; S là người nộp tiền vào tài khoản của Công ty Gia Linh và ủy nhiệm chi trả tiền cho các Công ty đầu vào; đối với hóa đơn GTGT

khống của DNTN Hợp Nhất do có giá trị dưới 20 triệu đồng nên không phải chuyển khoản qua ngân hàng. S khai mua hóa đơn GTGT khống của Hùng với giá 3,5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn; số tiền mua hóa đơn này được S trả cho Hùng bằng tiền mặt. Đối với hóa đơn GTGT khống của DNTN Hợp Nhất, S không phải trả tiền.

*** *Hưởng lợi từ việc mua, bán hóa đơn***

S khai bán hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh cho các Công ty và Nguyễn Đình D với giá từ 3,7% đến 3,8% (trung bình là 3,75%) giá trị tiền hàng trên hóa đơn; riêng đối với hóa đơn GTGT khống xuất bán Công ty Hà My Vina, S không nhớ bán với giá bao nhiêu. Nguyễn Đình D khai mua hóa đơn GTGT của S từ 6% đến 10% giá trị tiền hàng. Công ty Hà My Vina khai mua hóa đơn với giá 6%. Số tiền S bán hóa đơn khống của Công ty Gia Linh là: **1.083.202.332đ** (Một tỷ tám mươi ba triệu hai trăm linh hai nghìn ba trăm ba mươi hai đồng) [cách tính: $3,75\% \times 28.770.195.538đ$ (tổng tiền hàng của Công ty Gia Linh xuất bán là $28.842.195.538đ$ – tiền hàng của Công ty Hà My Vina là $72.000.000đ$) + tiền bán hóa đơn GTGT cho Công ty Hà My Vina (tiền hàng là $72.000.000đ \times 6\%$)].

S khai đã mua hóa đơn GTGT khống của Hùng với giá 3.5% giá trị tiền hàng trên hóa đơn, còn đối với hóa đơn GTGT khống của DNTN Hợp Nhất không phải trả tiền. Vì vậy, số tiền S mua hóa đơn GTGT khống là **975.037.350đ** (Chín trăm bảy mươi năm triệu ba mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng) (cách tính: $3.5\% \times$ tổng tiền hàng trên hóa đơn khống mua từ Hùng là $27.858.210.000đ$).

Vậy, số tiền S được hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn GTGT khống của công ty Gia Linh là **108.164.982đ** (Một trăm linh tám triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi hai đồng). (cách tính: lấy số tiền thu được từ việc S bán hóa đơn GTGT khống là $1.083.202.332đ$ – số tiền S mua hóa đơn GTGT khống là $975.037.350đ$).

Căn cứ Công văn số 2789/CCT-KT ngày 23/08/2017 của Chi cục thuế huyện Thuận Thành xác định: trong quá trình hoạt động Công ty Gia Linh đã thực hiện đóng thuế TNDN và thuế môn bài, tổng số tiền là $17.600.000đ$. Vì vậy, số tiền thực chất S được hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn GTGT khống là: **$108.164.982đ - 17.600.000đ = 90.564.982đ$** (Chín mươi triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi hai đồng).

2. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình D:

Nguyễn Đình D làm việc tại Công ty TNHH sản xuất APM trụ sở tại huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Khoảng năm 2014, D quen biết Nguyễn Đình S- Giám đốc Công ty Gia Linh chuyên kinh doanh sản xuất hạt nhựa, vỏ bao. D khai khoảng đầu năm 2015, D quen biết một người tên là Hùng ở Bắc Giang (không rõ địa chỉ, quê quán) có dây truyền máy muốn bán nhưng khách đòi phải có hóa đơn GTTT nên đã nhờ D tìm chỗ xuất được hóa đơn GTGT khống

dây truyền máy. D đã liên lạc với S để hỏi thì được S cho biết Công ty Gia Linh xuất được hóa đơn GTGT khống về dây truyền máy và đồng ý xuất khống hóa đơn cho D. Từ đó, D biết S có thể xuất bán hóa đơn GTGT khống của công ty Gia Linh. Vì vậy, trong quá trình kinh doanh bao bì, có nhiều khách hỏi mua hàng nên D đã mua bao bì, vỏ bao của các chủ tư nhân ở Hà Nội, Ninh Bình...nhưng không có hóa đơn GTGT xuất trả cho các Công ty. D đã liên hệ với Nguyễn Đình S để mua hóa đơn GTGT khống mặt hàng bao bì, vỏ bao để xuất bán cho các công ty.

Từ đầu năm 2015 đến tháng 4/2016, D đã mua tổng số 46 hóa đơn GTGT khống với tổng tiền hàng là 785.943.492đ, tiền thuế là 78.594.349đ của Công ty Gia Linh để xuất trả cho 19 Công ty.

Ngoài 19 công ty trên, S khai còn bán hóa đơn GTGT khống của công ty Gia Linh cho các công ty Hợp Lực, công ty CP dinh dưỡng Quốc tế Việt Nhật, công ty Hợp Phát, công ty Phúc Khang, công ty xi măng Lai Châu, công ty APM thông qua D. Nhưng D khai đối với hóa đơn GTGT của Công ty Gia Linh xuất cho công ty Hợp Lực, Công ty Phúc Khang, Công ty xi măng Lai Châu với tổng số 17 hóa đơn, tiền thuế là 18.861.546đ là thật; D đã mua hàng vỏ bao cũ vẫn còn giá trị sử dụng của Công ty Gia Linh từ S để bán cho các Công ty trên và lấy hóa đơn GTGT của Công ty Gia Linh xuất trả các Công ty này. Ngoài ra, với vai trò phụ trách kinh doanh mua bán hàng của Công ty APM, D khai Công ty APM mua hàng thật của Công ty Gia Linh, D chỉ ký hợp đồng, đặt hàng lần đầu, việc giao nhận hàng và các lần mua hàng khác là do Bằng (Giám đốc Công ty APM) thực hiện nên D không biết; còn các số hóa đơn GTGT của công ty Gia Linh xuất cho công ty CP dinh dưỡng Quốc tế Việt Nhật, công ty Hợp Phát thì D không liên quan và không biết các công ty này. Cơ quan điều tra đã tổ chức đối chất nhưng hai bên vẫn giữ nguyên lời khai, không có tài liệu gì khác chứng minh.

D khai việc ký hợp đồng, thanh toán chuyển tiền qua ngân hàng chỉ là hình thức để hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn GTGT khống; có lần D soạn thảo hợp đồng gửi cho phía Công ty Gia Linh qua mail hoặc D gửi thông tin của Công ty nhận hóa đơn cho Hương nhân viên của Công ty Gia Linh để soạn thảo hợp đồng, sau đó phía Công ty Gia Linh hoàn thiện và gửi trực tiếp cho các Công ty nhận hóa đơn. Do D bán hàng bao bì thật nên các Công ty mua hàng tự chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Gia Linh hoặc trả tiền vào tài khoản cá nhân của D hoặc trả tiền mặt. Sau đó, S trừ tiền D mua hóa đơn và chuyển số tiền còn lại vào tài khoản cá nhân D.

D khai đã mua hóa đơn GTGT khống của S với giá 6% đối với hóa đơn dây truyền máy; từ 6% đến 10% (trung bình 8%) đối với bao bì, vỏ bao, riêng Công ty Lê Uyên Nhi với giá 6%. Còn khi bán hóa đơn D khai: đối với hóa đơn

khống về dây truyền máy D mua hộ Hưng không lấy phí; đối với hóa đơn GTGT khống bán cho Công ty Lê Uyên Nhi D không nhớ bán giá bao nhiêu; còn đối với các hóa đơn khống về bao bì, vỏ bao D lấy của các Công ty mua hàng thật đủ 10% giá trị tiền hàng. S khai bán hóa đơn GTGT khống cho D với giá từ 3,7% đến 3,8% giá trị tiền hàng, còn các Công ty khai đã mua hàng của D và trả D đủ 10%, riêng Công ty Lê Uyên Nhi khai mua hóa đơn GTGT khống của D với giá 7% giá trị tiền hàng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa D và S nhưng hai bên vẫn giữ nguyên lời khai, không có tài liệu gì khác chứng minh. Vì vậy, D phải chịu trách nhiệm về hành vi mua hóa đơn GTGT khống của S với giá trung bình là 8%.

*** *Hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn GTGT khống của D***

- Đối với Công ty Lê Uyên Nhi: D khai đã mua của S với giá 6% nhưng không nhớ bán với giá bao nhiêu %, Công ty Lê Uyên Nhi khai mua hóa đơn của D với giá 7%, nên D được hưởng lợi là $7\% - 6\% = 1\%$. Số tiền D được hưởng lợi là $1\% \times 34.000.000\text{đ (tiền hàng)} = 340.000\text{đ}$.

- Đối với Công ty Đại Hải Phong: D khai mua hóa đơn của S với giá 06%, bán lại cho Hưng với giá 06%, nên D không được hưởng lợi gì.

- Đối với 17 Công ty D bán hàng xuất trả hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh: D khai đã mua hóa đơn GTGT khống của S với giá từ 06% đến 10%, thu của các Công ty mua hàng đủ 10% giá trị tiền hàng trên hóa đơn. Vì vậy, D được hưởng lợi là $10\% - 8\% = 2\%$ giá trị tổng tiền hàng; Cụ thể số tiền D được hưởng lợi từ việc bán hóa đơn cho các Công ty này là: $2\% \times 679.143.492\text{đ (tổng tiền hàng)} = 13.582.869\text{đồng}$.

Vậy, tổng số tiền D được hưởng lợi là $13.582.869\text{đ} + 340.000\text{đ} = 13.922.869\text{đ}$ (Mười ba triệu, chín trăm hai hai nghìn, tám trăm sáu chín đồng)

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên ngày 17/7/2017 S nộp 40.000.000 đồng; Ngày 18/10/2017, D nộp 20.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

3. Đối với các Công ty đầu vào:

Công ty Gia Linh nhận tổng số 86 hóa đơn GTGT với tổng tiền hàng là 28.258.422.572đ, tiền thuế là 2.825.842.257đ của 29 Công ty. Trong đó, Nguyễn Đình S khai đã mua hóa đơn GTGT khống của 07 Công ty, tổng số 37 hóa đơn GTGT, với tổng tiền hàng là 27.904.210.000đ, tiền thuế là 2.790.421.000đ. Cơ quan điều tra đã xác minh 07 Công ty trên gồm công ty TNHH Bạch Hổ, Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Hợp Nhất, công ty TNHH Đầu tư thương mại Hải Hoa, công ty TNHH dịch vụ Thu Hường, công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Dương Gia Thành Vượng, công ty TNHH tư vấn Tân Vạn Thành, công ty cổ phần đầu tư giáo dục Tân Trung Nguyên, kết quả phản ánh

các Công ty này đã ngừng hoạt động hoặc bỏ địa chỉ kinh doanh; những người đứng tên Giám đốc khai nhận bị mất chứng minh nhân dân và không biết về các Công ty này, không ký vào tài liệu gì của các Công ty này; Riêng DNTN Hợp Nhất vẫn đang hoạt động, Phan Đình Huân chủ DNTN Hợp Nhất khai nhận đã xuất khống 04 hóa đơn GTGT của DNTN Hợp Nhất cho Công ty Gia Linh thông qua Nguyễn Đình S, nhưng không lấy tiền.

4. Đối với các Công ty đầu ra:

Về hoạt động hóa đơn đầu ra, khi khách hàng yêu cầu họ cung cấp cho S số liệu để viết hóa đơn (Như tên Công ty, mã số thuế, mặt hàng, số lượng giá trị). S chuyển số liệu cho Hương là nhân viên của công ty, hướng dẫn Hương viết hóa đơn, soạn thảo các hợp đồng, chứng từ theo yêu cầu của khách. Sau đó Hương giao lại cho S. Các hóa đơn chứng từ S sử dụng con dấu, chữ ký của S là Giám đốc công ty Gia Linh để đóng dấu. Sau khi hoàn thiện S trả lại cho khách hàng kèm theo các chứng từ khác như phiếu xuất kho, báo giá, hợp đồng... về tiền mua hóa đơn khách trả cho S bằng tiền mặt không có giấy tờ biên nhận hay sổ sách ghi chép gì về việc này, không có người chứng kiến. S khai S đã bán tổng số 160 hóa đơn GTGT, với tổng tiền hàng là 28.842.195.538đ, tiền thuế là 2.884.219.554đ cho 39 Công ty; trong đó có 07 Công ty có số tiền thuế trên 100 triệu đồng; 32 Công ty có số tiền thuế dưới 100 triệu đồng

****Đối với 07 Công ty có số tiền thuế trên 100 triệu đồng:***

Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu, triệu tập làm việc với Giám đốc và những người có liên quan. Kết quả phản ánh: 07 công ty đều khai mua bán hàng hóa thật với Công ty Gia Linh, nhận tổng số 56 hóa đơn với tổng tiền hàng là 23.504.084.277đ, tiền thuế là 2.350.408.428đ. Trong đó có 05 Công ty (Công ty Đại Việt, Công ty Trang Huy, Công ty APM, Công ty HanLim, Công ty quốc tế Yên Phong) khai nhận trực tiếp mua hàng từ Nguyễn Đình S- Giám đốc Công ty Gia Linh hoặc Hương- nhân viên Công ty Gia Linh và được trả hóa đơn GTGT của Công ty Gia Linh; Công ty Thuận Đức khai giao cho nhân viên tên Hải đi mua hàng, hiện Hải không còn làm tại Công ty Thuận Đức và Công ty Suntex khai mua hàng qua trung gian tên Tuyền và được trả hóa đơn GTGT của Công ty Gia Linh, không rõ tên tuổi, địa chỉ của Tuyền ở đâu. Các Công ty đều trình bày đã vào trang mạng của Tổng cục Thuế kiểm tra Công ty Gia Linh thấy Công ty này vẫn đang hoạt động, có kê khai thuế báo cáo thuế; quá trình mua bán hàng đều có ký kết Hợp đồng kinh tế, có Biên bản giao nhận hàng; việc thanh toán trả tiền hàng được trả tiền qua ngân hàng và cung cấp cho Cơ quan điều tra các hóa đơn chứng từ liên quan đến việc mua bán hàng, về hình thức thấy đều hợp lệ không có gì mâu thuẫn. Các công ty này không thừa nhận mua hóa đơn hoặc biết rõ hóa đơn bất hợp pháp nhưng vẫn sử dụng. Nguyễn Đình S khai đã bán

hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh cho các Công ty này. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất về các tình tiết mâu thuẫn giữa S với các Công ty trên, song các bên vẫn giữ nguyên lời khai, không có tài liệu khác chứng minh

S khai Thẩm Thúy Phương là kế toán của công ty, Nguyễn Thị Hương là nhân viên của công ty và Vũ Văn Bình đều không biết S thành lập công ty để bán hóa đơn khống (không có hàng) và đều làm theo sự chỉ đạo của S.

****Đối với các Công ty có số tiền thuế dưới 100 triệu đồng:***

Trong tổng số 160 hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh, Cơ quan điều tra xác định có 32 công ty có số tiền thuế dưới 100 triệu đồng, nhận tổng số 104 hóa đơn GTGT với tổng tiền hàng là 5.338.111.261đ, tiền thuế là 533.811.126đ. Trong tổng số 32 Công ty trên có 03 Công ty khai nhận đã mua hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh, cụ thể: Công ty Lê Uyên Nhi khai mua 02 hóa đơn GTGT khống với tổng tiền thuế là 3.400.000đ của Công ty Gia Linh từ Nguyễn Đình D, Công ty TNHH Hà My Vina mua 01 hóa đơn GTGT khống với tiền thuế là 7.200.000đ của Công ty Gia Linh từ Dương Ngọc Lâm, Công ty TNHH cơ, điện- tự động hóa Kamtech mua 03 hóa đơn GTGT khống của Công ty Gia Linh từ Nguyễn Đình S; Có 11 Công ty đã nhận tổng 34 hóa đơn GTGT của Công ty Gia Linh với tổng tiền thuế là 344.114.983đ khai nhận mua hàng trực tiếp của Công ty Gia Linh và được trả hóa đơn; Có 02 Công ty đã nhận tổng 02 hóa đơn GTGT của Công ty Gia Linh với tổng tiền thuế là 9.079.520đ khai nhận mua hàng qua trung gian được trả hóa đơn GTGT của Công ty Gia Linh và còn 03 Công ty chưa giải trình về việc nhận hóa đơn GTGT của Công ty Gia Linh. Đối với các Công ty khai nhận có mua hàng thật, họ cung cấp cho Cơ quan điều tra các hợp đồng, hóa đơn chứng từ liên quan đến việc mua bán hàng, về hình thức thấy đều hợp lệ không có gì mâu thuẫn. Các Công ty này không biết hóa đơn GTGT của công ty Gia Linh xuất cho là hóa đơn bất hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT – VKS – P1 ngày 30/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình D về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d Khoản 2 Điều 164a BLHS năm 1999

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã qui kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố theo ủy quyền của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại phiên tòa phát biểu luận tội, sau khi đưa ra các chứng cứ, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử giữ

nguyên tội danh của S và D như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình D phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 164a; Điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt Nguyễn Đình S từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo từ 15 đến 20 triệu đồng.

Xử phạt Nguyễn Đình D từ 16 đến 20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 40 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng.

Đề nghị tịch thu sung công tiền thu lợi bất chính của S là 90.564.982 đồng và của D là 13.922.869 đồng để sung công quỹ nhà nước. Hoàn trả bị cáo D số tiền 6.077.131 đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình D không tranh luận, nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị xem xét được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội Dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình D đã thừa nhận hành vi phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” do chính các bị cáo đã thực hiện. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2014 đến tháng 4/2016, Nguyễn Đình S - Giám đốc Công ty TNHH sản xuất thương mại Quốc tế Gia Linh, trụ sở tại thôn Thanh Bình, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã mua 37 hóa đơn GTGT khống (không có hàng) của 7 công ty với tổng giá trị tiền hàng là 27.904.210.000đồng, tiền thuế là 2.790.421.000đồng và đã xuất bán tổng số 160 hóa đơn GTGT khống của công ty Gia Linh cho 39 công ty với tổng tiền hàng là 28.842.95.538 đồng, tiền thuế 2.884.219.554 đồng. Trong đó có 138 hóa đơn GTGT với tổng tiền hàng là 28.809.715.038đồng, tiền thuế là

2.880.971.504 đồng đã được các công ty nhận hóa đơn kê khai báo cáo thuế sử dụng làm đầu vào. Thông qua việc mua bán trái phép hóa đơn, S được hưởng lợi số tiền là 90.564.982 đồng, hiện S đã tự nguyện nộp 40.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra và 50.564.982 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh để khắc phục hậu quả.

Đối với Nguyễn Đình D: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016, D có kinh doanh bao bì, D đã mua 46 hóa đơn GTGT khống (không có hàng) của công ty Gia Linh với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn trị giá 785.943.492 đồng, tiền thuế 78.594.349 đồng, xuất bán cho 19 công ty. D được hưởng lợi tổng số tiền 13.922.869 đồng, hiện D đã tự nguyện nộp 20.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo S và bị cáo D theo điểm d, khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999 về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính của nhà nước về tài chính, kinh tế, gây mất trật tự trong sản xuất, kinh doanh là nguyên nhân của nạn làm hàng giả, trốn thuế. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm minh mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công và câu kết chặt chẽ, các bị cáo đều là người thực hành và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình D là người kinh doanh nhưng không chấp hành các quy định của pháp luật để trở thành doanh nhân đúng đắn, các bị cáo chỉ vì tham lam, muốn hưởng lợi nhanh chóng đã thực hiện hành vi mua bán hóa đơn bị pháp luật cấm.

Bị cáo Nguyễn Đình S đã mua bán số lượng hóa đơn GTGT nhiều và số tiền hưởng lợi nhiều hơn bị cáo D do đó bị cáo S phải có hình phạt cao hơn bị cáo D.

Tuy nhiên các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều có thái độ thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, các bị cáo cũng đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, do vậy HĐXX thấy cần chiếu cố khoan hồng, không cần buộc bị cáo cách ly xã hội cũng đủ để giáo dục, cải tạo thành người lương thiện.

[2]. Về áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi nhằm hưởng lợi bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung, phạt một khoản tiền để sung vào công quỹ nhà nước.

[3]. Về số tiền thu lợi bất chính: Hành vi mua, bán hóa đơn giá trị gia tăng của bị cáo S hưởng lợi bất chính số tiền 90.564.982 đồng, của bị cáo D hưởng lợi bất chính số tiền 13.922.869 đồng. Cần buộc các bị cáo phải nộp khoản tiền này để sung công quỹ nhà nước. Bị cáo S đã nộp 90.564.982 đồng, bị cáo D đã nộp 20.000.000 đồng nên cần tạm giữ khoản tiền này để đảm bảo thi hành án.

[4]. Đối với Nguyễn Kim Hương, Thẩm Thúy Phương, Vũ Văn Bình: không biết S thành lập công ty để bán hóa đơn GTGT khổng không có hàng, xét thấy họ chỉ là người làm theo sự chỉ đạo của Nguyễn Đình S, không biết gì về việc mua bán hóa đơn của Công ty Gia Linh; vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Dương Ngọc Lâm: Mặc dù có tài liệu xác định Lâm đã giúp S mượn chứng minh nhân dân và nhờ Vũ Văn Bình đứng tên Giám đốc thành lập Công ty Gia Linh; đã giúp S bán 01 hóa đơn GTGT khổng của Công ty Gia Linh cho Công ty Hà My Vina, với tiền thuế là 7.200.000đ. Xét thấy số lượng hóa đơn GTGT khổng chưa đủ xử lý hình sự, chưa làm rõ được ý thức chủ quan của Lâm biết S thành lập Công ty Gia Linh để bán hóa đơn GTGT khổng nhưng vẫn giúp; mặt khác hiện nay Lâm không có mặt tại địa phương, không rõ ở đâu, làm gì; tách ra, điều tra xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng có tên "Hưng" ở Bắc Giang liên quan đến hóa đơn GTGT của công ty Gia Linh xuất cho công ty Đại Hải Phong, do chưa xác định được lai lịch con người cụ thể; tách ra điều tra xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Đối với DNTN Hợp Nhất: đến nay có đủ căn cứ xác định DNTN Hợp nhất đã xuất khổng 03 hóa đơn GTGT khổng với tổng tiền thuế là 4.600.000đồng cho Công ty Gia Linh. Nhưng xét thấy, số lượng hóa đơn ít (dưới 10 tờ), giá trị tiền thuế nhỏ, vì vậy, không xem xét xử lý hình sự đối với Phan Đình Huân chủ DNTN Hợp Nhất, mà thông báo cho Chi cục thuế huyện Khoái Châu biết để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các công ty có số tiền thuế trên 100 triệu đồng và các Công ty có số tiền thuế dưới 100 triệu đồng nhưng khai rõ mua hàng của Nguyễn Đình S Giám đốc Công ty Gia Linh. Do chưa làm rõ được ý thức chủ quan của họ là mua bán hóa đơn GTGT khổng hoặc biết hóa đơn bất hợp pháp nhưng vẫn sử dụng. Vì vậy, tách ra để điều tra xử lý tiếp, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Đối với các Công ty đầu ra có số tiền thuế dưới 100 triệu đồng khai nhận mua hàng của Nguyễn Đình D và mua hàng qua trung gian được trả hóa đơn của Công ty Gia Linh: có công văn thông báo cho chi cục thuế quản lý biết để xử lý theo quy định.

Đối với các Công ty Dương Gia Thịnh Vượng, công ty Tân Trung Nguyên, công ty Tâm Vạn Thành là các công ty đầu vào ở địa bàn thành phố Hà Nội đã xuất khống hóa đơn GTGT cho công ty Gia Linh: Do hiện nay các Công ty đều ngừng hoạt động hoặc bỏ địa chỉ kinh doanh, Giám đốc không biết và không thành lập Công ty. Vì vậy, chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu về các Công ty này cho Công an thành phố Hà Nội để điều tra làm rõ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với Công ty Bạch Hổ là công ty đầu vào ở địa bàn tỉnh Bắc Giang đã xuất khống hóa đơn GTGT cho công ty Gia Linh: Do hiện nay Công ty đã ngừng hoạt động, Giám đốc không biết và không thành lập Công ty. Vì vậy, chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu về các Công ty này cho Công an tỉnh Bắc Giang để điều tra làm rõ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với các Công ty Thu Hường, công ty Hải Hoa là các công ty đầu vào ở địa bàn thành phố Hải Phòng đã xuất khống hóa đơn GTGT cho công ty Gia Linh: Do hiện nay các Công ty đều ngừng hoạt động hoặc bỏ địa chỉ kinh doanh, Giám đốc không biết và không thành lập Công ty. Vì vậy, chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu về các Công ty này cho Công an thành phố Hải Phòng để điều tra làm rõ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình D đều phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng điểm d, khoản 2, khoản 3 Điều 164a, Điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 60; Bộ luật hình sự năm 1999; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 16 (Mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 (Ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ

thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Đình S cho UBND phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Đình D cho UBND thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Đình S là 90.564.982 đồng, của bị cáo D là 13.922.869 đồng (Xác nhận bị cáo S đã nộp 90.564.982 đồng và bị cáo D đã nộp 20.000.000 đồng). Hoàn trả bị cáo D số tiền 6.077.131 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (Theo ủy nhiệm chi ngày 05/12/2017 giữa Công an Tỉnh Bắc ninh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành và theo biên lai thu tiền số AA/2014/000 7683 ngày 06/03/2018 của Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh
- VKSND huyện
- Công an Huyện
- Chi cục T.H.A
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS-VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Quang Hòa

